TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2022
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị M, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thị xã KT, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã Thái Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/10/2014, ông Lê Văn Nh có nhận của bà M 20.000.000 đồng với mục đích để làm chi phí lo thủ tục giấy tờ khởi kiện lấy lại phần đất tranh chấp giữa bà M với hộ liền kề. Hai bên có làm biên nhận nhận tiền và có ghi nội dung giao kết nếu sau này không lấy lại được đất tranh chấp thì ông Nh phải hoàn lại tiền cho bà M 20.000.000 đồng đã nhận. Tuy biên nhận ghi ngày 27/10/2014 nhưng thực tế số tiền trên ông Nh nhận nhiều lần. Cụ thể lần thứ

nhất vào ngày 30/5/2014 ông Nh nhận của bà M 5.000.000 đồng (có viết biên nhận); lần thứ hai, ngày 02/6/2014 ông Nh nhận 2.000.000 đồng (có viết biên nhận); lần thứ ba, ngày 06/6/2014 ông Nh nhận 10.000.000 đồng (có viết biên nhận); và lần cuối cùng ngày 27/10/2014 ông Nh nhận thêm 3.000.000 đồng nên ghi lại biên nhận ông có nhận của bà M 20.000.000 đồng, có ký tên và ghi họ tên người nhận. Đồng thời có ghi chú thêm nội dung: Hủy bỏ biên nhận từ trước tới nay tôi viết cho chị M, chỉ tính biên nhận ngày hôm nay. Đến thời điểm hiện tại đã hơn 07 năm nhưng ông Nh không có động thái gì để khởi kiện giúp bà M lấy lại phần đất tranh chấp, bà M điện thoại liên lạc nhiều lần nhưng ông Nh không nghe máy, không gặp để trao đổi những công việc ông hứa làm cho bà M và sau đó ông Nh ngắt điện thoại không liên lạc được. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Nh trả lại cho bà 20.000.000 đồng đã nhận trước đây.

Bị đơn ông Lê Văn Nh vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, tuy nhiên ông Nh có thể hiện ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021 như sau: Ông thừa nhận trong năm 2014 ông có nhận của bà Lương Thị M nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, có lần nhận 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Mục đích nhận tiền để làm chi phí đi lại và chi phí khiếu nại việc tranh chấp đất. Cụ thể bà M cho rằng Nhà nước làm đê bao khiến cho bà bị mất đất nên nhờ ông đến các cơ quan trong tỉnh Long An khiếu nại, yêu cầu đo đạc lại nhưng các cơ quan chức năng trả lời đất bà M vẫn đủ và không giải quyết nên bà M nhờ ông gửi đơn ra văn phòng Chính phủ khiếu nại nên số tiền 20.000.000 đồng bà M đưa cho ông thì ông đã sử dụng làm chi phí đi lại để nộp đơn khiếu nại cho bà M nên không còn, do đó ông không đồng ý trả lại 20.000.000 đồng đã nhận của bà M.

Ngoài ra, ông Nh cho rằng biên nhận ngày 27/10/2014 mà bà M xuất trình tại Tòa án không phải chữ ký của ông, ông chỉ thừa nhận có nhận tiền của bà M nhiều lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng và đã thực hiện việc gửi đơn thư khiếu nại giúp bà M xong.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Lương Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Ông Lê Văn Nh không đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của bà M.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị M: Bà M trình bày bà và ông Nh thỏa thuận bà đưa 20.000.000 đồng cho ông Nh để ông Nh thực hiện việc khởi kiện vụ án tranh chấp đất của bà, nhưng từ khi đưa tiền cho ông Nh vào năm 2014 đến nay thì ông Nh không thực hiện, đất của bà chưa được giải quyết. Ông Nh trình bày, ông thừa nhận vào năm 2014 ông có nhận tiền từ bà M nhiều

lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, nhưng ông Nh cho rằng ông đã thực hiện xong công việc giữa ông và bà M đã thỏa thuận vào năm 2014. Xét thấy, giữa bà M và ông Nh trình bày về mục đích nhận tiền khác nhau nhưng cả hai bên đương sự đều thống nhất sự việc là ông Nh có nhận của bà M tổng số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí nộp đơn đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ án tranh chấp đất của bà M, nên xét đây là sự việc không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về ý kiến ông Nh: Ông Nh cho rằng ông đã thực hiện đúng thỏa thuận và đã làm xong việc nộp đơn khiếu nại đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ án tranh chấp cho bà M; cơ quan thẩm quyền cũng đã đến đo đạc lại đất cho bà M nhưng ông Nh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông sử dụng số tiền 20.000.000 đồng làm chi phí đi lại cho việc thực hiện công việc theo thỏa thuận giữa ông với bà M; mặt khác bà M không thừa nhận ông Nh đã thực hiện đúng theo thỏa thuận giữa bà và ông Nh nên xét thấy lời trình bày của ông Nh là không có căn cứ và yêu cầu của bà M về việc buộc ông Nh trả lại tiền cho bà là có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Bà M khởi kiện yêu cầu ông Nhỏ trả lại số tiền 20.000.000 đồng mà ông Nh đã nhận với mục đích làm chi phí khởi kiện và cam kết sẽ lấy lại đất cho bà M, nếu không có kết quả ông Nh sẽ trả lại cho bà M số tiền trên nhưng ông Nh thực hiện không đúng cam kết. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi tài sản" theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Văn Nh có nơi cư trú tại xã Thái Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Lê Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà M khởi kiện yêu cầu ông Nh trả lại cho bà 20.000.000 đồng bà cho rằng đã đưa cho ông Nh trong năm 2014 với mục đích

nhờ ông Nh khởi kiện tranh chấp đất với hộ liền kề lấy lại diện tích đất mà bà M cho rằng bị lấn chiếm. Khi ông Nh nhận tiền có viết biên nhận và có viết cam kết nếu không lấy lại được diện tích đất theo yêu cầu của bà M thì ông Nh sẽ hoàn trả lại cho bà M số tiền trên. Bà M cho rằng ông Nh đã không thực hiện đúng cam kết và không thông báo cụ thể công việc đã làm, né tránh không liên lạc được. Ông Nh thừa nhận có nhận của bà M nhiều lần trong năm 2014 với tổng số tiền 20.000.000 đồng, ông Nh cho rằng đã giúp bà Mười gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền và đã được cơ quan chức năng đo đạc kiểm tra lại đất, kết quả đất của bà M vẫn đủ không bị lấn chiếm, công việc bà M giao ông đã thực hiện xong nên ông không đồng ý trả lại tiền cho bà M.

[3.1] Mặc dù các bên trình bày không thống nhất về thỏa thuận cụ thể khi giao nhận tiền, tuy nhiên bà M và ông Nh đã thống nhất được việc ông Nh có nhận tiền của bà M nhiều lần trong năm 2014 với tổng số tiền 20.000.000 đồng để ông Nh làm chi phí thực hiện việc gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc tranh chấp đất cho bà M nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M cho rằng mục đích giao tiền cho ông Nh để ông khởi kiện tranh chấp với hộ liền kề việc đất của bà bị lấn chiếm, nếu kết quả bà được cơ quan có thẩm quyền giải quyết cho bà thắng kiện và lấy lại được diện tích đất bị lấn chiếm thì ông Nh mới được quyền sử dụng số tiền 20.000.000 đồng nêu trên, nếu việc giải quyết không có kết quả thì ông Nh phải hoàn trả lại cho bà số tiền này. Còn ông Nh thì cho rằng ông đã thực hiện đúng nội dung thỏa thuận với bà M là khiếu nại việc bà M bị mất đất đến các cơ quan có thẩm quyền trong tỉnh Long An và kết quả đo đạc là đất của bà M không bị mất nhưng ông không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[3.2] Xét thấy, bà M cho rằng ông Nh đã nhận của bà 20.000.000 đồng nhưng không thực hiện công việc bà giao và không phản hồi kết quả cho bà biết nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền đã nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn ông Nh thừa nhận có nhận của bà M tổng số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí thực hiện việc gửi đơn khiếu nại tranh chấp đất cho bà M nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn (20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng); Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị M về việc yêu cầu ông Lê Văn Nh trả lại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Buộc ông Lê Văn Nh trả cho bà Lương Thị M số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Lê Văn Nh phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Lương Thị M 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0002993 ngày 06/7/2021.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Yến Linh